

Đổi mới đào tạo kế toán trong các trường Đại học ở Việt Nam

Phạm Đức Cường*

Ngày nhận: 28/10/2014

Ngày nhận bản sửa: 15/11/2014

Ngày duyệt đăng: 8/12/2014

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu thực trạng đào tạo kế toán trong các trường đại học ở Việt Nam thông qua đánh giá kết quả đầu ra, nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá học viên,... trong quan hệ so sánh với các nội dung tương ứng của các trường đại học nổi tiếng trên thế giới tại Mỹ, Anh, Úc. Bằng việc xây dựng các giả định nghiên cứu và chứng minh các giả định đó, chúng tôi cho rằng, chương trình đào tạo kế toán cần phải được nghiên cứu thay đổi về nội dung và kết cấu, phương pháp giảng dạy cũng như phương thức đánh giá sinh viên theo quá trình thay cho đánh giá tổng kết đang áp dụng hiện nay.

Từ khóa: Chương trình đào tạo; Kế toán; Trường Đại học

Reform in Accounting Education and Training in Vietnamese Universities

Abstract:

This paper studies the current situation of training accounting in Vietnamese universities. We focus on assessment of not only quality of graduated students, content and structure of courses but also on teaching methodology and on assessment schemes in comparing with corresponding categories conducted by famous universities in the US, UK and Australia. We conclude that, the accounting curriculum in Vietnamese universities need to be changed in content and structure, in teaching method, and in assessment schemes.

Keywords: Curriculum, Accounting, and University

1. Giới thiệu

Hiện nay, Việt Nam có hơn 400 trường đại học và cao đẳng, trong đó có hơn 300 trường đào tạo chuyên ngành kế toán, chưa kể tới các trường trung cấp chuyên nghiệp hoặc các trung tâm dạy nghề (Đặng Văn Thanh, 2011). Hàng năm, cả nước có tới hàng chục ngàn sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán kiểm toán, và số lượng thí sinh đăng ký học chuyên ngành kế toán vẫn rất đông theo các hệ đào

trào khác nhau. Nhiều học giả cho rằng nghề kế toán vẫn là nghề được giới trẻ Việt Nam quan tâm nhiều. Tính trên cả nước, số nhân viên kế toán đang làm việc trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác khoảng 2 triệu người và nhu cầu còn tăng khi số lượng doanh nghiệp trong nền kinh tế ngày càng tăng lên (Hiếu Nguyễn, 2012). Rõ ràng nhu cầu về lao động kế toán, về đào tạo kế toán là rất lớn, liên tục và đòi hỏi chất lượng cao hơn.

Tuy nhiên, chất lượng của sinh viên tốt nghiệp ra trường đang bộc lộ những điểm yếu về chuyên môn, về khả năng xử lý công việc, về kỹ năng mềm,... Những tồn tại này, theo nhiều học giả nhận xét, là do chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, và phương pháp đánh giá sinh viên của các trường đại học còn nhiều bất cập (Đặng Văn Thanh, 2011; Hiếu Nguyễn 2012).

Bài viết này, trước hết xem xét những cuộc tham luận, trao đổi, hội thảo quốc gia về đào tạo kế toán, kiểm toán để tổng hợp lại những tồn tại phát sinh liên quan đến đào tạo kế toán. Sau đó, tác giả so sánh nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá của các trường đại học trên thế giới với Việt Nam để từ đó đưa ra các kiến nghị liên quan đổi mới chương trình đào tạo kế toán ở Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu về chất lượng đào tạo kế toán ở các trường đại học Việt Nam

Theo một kết quả khảo sát, các sinh viên khi ra trường, có tới 80% được hỏi chỉ tự tin khi làm việc với các đơn vị trong nước nhưng chưa sẵn sàng với đơn vị nước ngoài. Bên cạnh đó, có khoảng 66,7% đang làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và chỉ 17,4% số lượng nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán ở vị trí quản lý (NavigosSearch, 2010, trích trong Hiếu Nguyễn, 2012). Tại hội thảo quốc gia về đào tạo kế toán, nhiều học giả đã nhận xét các tồn tại chung liên quan đến chương trình đào tạo kế toán còn nhiều bất cập, bao gồm:

- Nội dung môn học ngành kế toán - kiểm toán còn nặng về lý thuyết; nhiều môn học còn trùng lặp nhau, chưa gắn với thực tế công việc;

- Phương pháp giảng dạy đã có sự thay đổi nhưng từ phương thức “thầy đọc trò chép và làm bài tập” được thay bằng công thức “thầy giảng, trò nghe và làm bài tập”;

- Mặc dù đã ban hành các chuẩn mực kế toán nhưng hầu hết các giáo trình về kế toán của các trường đều được soạn theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính nên hạn chế đến khả năng suy luận và phát triển kiến thức của sinh viên;

- Chương trình đào tạo hiện nay chưa tính đến vấn đề hội nhập.

Theo học giả Ngô Thế Chi, liên quan đến tồn tại đào tạo kế toán tại Việt Nam hiện nay, “... nội dung các môn học vẫn còn nặng về lý thuyết thuần túy. Mặc dù, trong mấy năm gần đây nhiều trường đại

học đã có những đổi mới tích cực trong phương pháp giảng dạy,... Tuy nhiên, hiệu quả của việc này còn quá thấp...” (Ngô Thế Chi, 2012, trích dẫn trong Hồng Hạnh, 2012).

Trong một nghiên cứu của một giảng viên giảng dạy kế toán, tác giả đã bổ sung thêm một số tồn tại liên quan đến chất lượng nguồn nhân lực kế toán hiện nay, bao gồm (Nguyễn Thị Hương Liên, 2012, trích dẫn trong Hiếu Nguyễn, 2012):

- Việc đào tạo chuyên môn còn mang nặng tính lý thuyết và ít thực hành;

- Đến 70% người học trả lời chưa thể nắm bắt được công việc kế toán- kiểm toán ngay mà cần được đào tạo và hướng dẫn lại;

- 50% cho rằng khối lượng kiến thức chuyên ngành lĩnh hội được ít;

- Các cử nhân kế toán sau khi đi làm thường có xu hướng trở thành những kế toán giỏi theo nghĩa đảm bảo sự tuân thủ nhưng khả năng sáng tạo ít và khả năng giải quyết những vấn đề phức tạp hạn chế.

Những quan điểm trên cũng tương đồng với nhận xét của các đơn vị sử dụng lao động. Theo quan điểm của ông Ian Lydall - Tổng giám đốc của Price-WaterHouseCoopers (1) Việc đào tạo nhân lực cho ngành kiểm toán, kế toán tại Việt Nam chưa thực sự đúng phương pháp, và (2) Bên cạnh kiến thức chuyên ngành, sinh viên kế toán cần phải thể hiện óc quan sát và tư duy phân tích cao, giỏi tính toán, có kỹ năng viết và khả năng chịu đựng áp lực của công việc (Trích dẫn từ Thu Anh, 2010).

Khi nghiên cứu về chất lượng đào tạo, nhiều tác giả đã cho rằng có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới nhân tố này, bao gồm (1) trình độ giảng viên; (2) người học; (3) chương trình giảng dạy; (4) định hướng nghề nghiệp; (5) phương pháp giảng dạy; (6) hệ thống đánh giá; (7) cơ sở vật chất (Lê Đức Luận, 2013).

Gần đây, trong một nghiên cứu tương tự, Phạm Đức Cường và Đoàn T. Trúc Quỳnh (2013) có đề xuất thay đổi về nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, và phương pháp đánh giá sinh viên kế toán. Mặc dầu có những đóng góp đáng kể nhưng bài viết mới chỉ tập trung vào môn học kế toán tài chính mà thiếu vắng đề cập tới các môn học kế toán khác trong các cơ sở đào tạo ở Việt Nam.

Như vậy, các học giả nghiên cứu về chất lượng đào tạo kế toán ở các trường đại học ở Việt Nam đã chỉ ra các tồn tại nhưng đang ở mức độ nêu hiện

tượng, thiếu nghiên cứu thực nghiệm hoặc so sánh với các trường đại học ở các nước phát triển, hoặc mới chỉ nghiên cứu cho một môn học. Dựa trên các nhận định này tác giả đặt ra ba giả thuyết nghiên cứu chính như sau:

(1) *Chương trình giảng dạy kế toán tại các trường đại học Việt Nam đang đơn điệu, chưa đầy đủ, chưa cập nhật và thiếu tính hội nhập quốc tế?*

(2) *Phương pháp giảng dạy của chúng ta chưa phù hợp và chưa hiệu quả?*

(3) *Phương thức đánh giá sinh viên của chúng ta chưa có tính hiệu quả và hiệu lực?*

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này tập trung vào việc đánh giá chất lượng đào tạo kế toán trong các trường đại học Việt Nam. Để thực hiện, tác giả chủ yếu nghiên cứu lý thuyết trên cơ sở đánh giá những nghiên cứu hiện tại về chất lượng đào tạo kế toán ở các trường đại học ở Việt Nam để đưa ra các giả thuyết liên quan đến (1) chương trình giảng dạy, (2) phương pháp giảng dạy, và (3) phương pháp đánh giá sinh viên, đang được áp dụng tại Việt Nam.

Qua tham khảo các chương trình đào tạo ở các trường đại học ở các nước phát triển, tác giả so sánh với thực trạng Việt Nam để chứng minh các giả thuyết đề xuất. Trên cơ sở chứng minh các giả thuyết, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sinh viên đầu ra cần thiết áp dụng cho các trường đại học đào tạo kế toán ở Việt Nam.

4. Kết quả phân tích và thảo luận kết quả nghiên cứu

Giả thuyết 1: *Chương trình giảng dạy của chúng ta đang đơn điệu, chưa đầy đủ, chưa cập nhật và thiếu tính hội nhập quốc tế?*

Để đánh giá được chương trình đại học kế toán, trước hết phải xem xét mục tiêu của môn học. Tại các nước phát triển, các trường đại học ở Úc (như đại học Macquarie; đại học Monash,..), ở Mỹ (như đại học bang California - Long Beach; UC San Diego,...) hoặc các tổ chức nghề nghiệp đã xây dựng mục tiêu đào tạo rất rõ ràng và cụ thể cho từng môn học. Ví dụ, tại đại học Macquarie (Úc), mục tiêu các môn học kế toán phải hướng đến trang bị cho người học các khả năng sau (Đại học Macquarie, 2014):

- Khả năng phân tích, phê bình, tư duy tổng hợp;
- Khả năng giải quyết vấn đề và khả năng nghiên cứu những vấn đề khó;

- Kỹ năng sáng tạo;
- Khả năng giao tiếp hiệu quả;
- Khả năng xét đoán nghề nghiệp và cá nhân.

Khác với nhiều cơ sở đào tạo ở Việt Nam, đại học Macquarie, trong quá trình đào tạo các mục tiêu môn học được theo sát, triển khai thực hiện gắn với từng bước công việc như bài giảng trên lớp, phương thức yêu cầu sinh viên làm bài, đánh giá sinh viên, nhận phản hồi, sửa chữa, cải tiến và hoàn thiện sau từng kỳ học.

Theo AICPA, mục tiêu đào tạo kế toán viên: Đào tạo kế toán phải hướng đến trang bị cho người học những nền tảng để học tập suốt đời, để hoàn thiện và phát triển. Bên cạnh đó, việc đào tạo kế toán nên phát triển khả năng phân tích, kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng đánh giá nghề nghiệp, và tính chính trực bên cạnh những nội dung liên quan đến chuyên môn, đến đạo đức nghề nghiệp, đến giao tiếp và đến kinh tế (AICPA, 2012).

Thực hiện việc so sánh các nội dung môn học kế toán tại các trường đại học ở Việt Nam như đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính,... có thể nhận thấy không một chương trình đào tạo nào có nêu một cách đầy đủ các mục tiêu môn học như ở các nước phát triển. Hoặc, một số trường có đề cập nhưng việc theo sát thực hiện các mục tiêu chưa thực hiện được một cách đầy đủ và có hiệu quả.

Tiếp tục xem xét về chương trình giảng dạy kế toán, tác giả thấy rằng có nhiều tồn tại liên quan đến nội dung các môn học. Nhiều môn học còn chưa phân định về phạm vi, nội dung trùng lặp với nhau, và thiếu tính hội nhập quốc tế. Ví dụ, môn học nguyên lý kế toán nội dung có thể nói rằng khác biệt hoàn toàn với thế giới. Cụ thể, ở các trường đại học nước ngoài, không có môn học nào chỉ giới thiệu về đối tượng kế toán và những “phương pháp nghiệp vụ kỹ thuật” như phương pháp chứng từ, tính giá, đối ứng tài khoản, tổng hợp cân đối kế toán như ở Việt Nam. Môn học kế toán tài chính là một trong những môn học quan trọng nhất của chương trình đào tạo kế toán. Tuy nhiên, nội dung môn học này đang chưa phân định rõ phạm vi, nhiều nội dung trùng lặp với kế toán quản trị.

Bảng 1 so sánh nội dung chương trình đào tạo môn học kế toán tài chính dưới các góc độ tên môn học, phân định giữa các môn liên quan, trình tự giới thiệu từng chương (phần), và nội dung trình bày trong từng chương trong môn học.

Bảng 1: So sánh nội dung chương trình đào tạo kế toán

Tiêu chí so sánh	Đại học nước ngoài	Đại học Việt Nam
Tên môn học	Financial Accounting; Intermediate Accounting	kế toán tài chính doanh nghiệp
Phân định các môn liên quan	Nguyên lý kế toán; kế toán tài chính 1, 2; kế toán tài chính nâng cao; Phân tích báo cáo tài chính	Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1, 2, 3, (4); kế toán công ty; Phân tích báo cáo tài chính.
Nội dung chương trình về mặt lý thuyết	Báo cáo tài chính được giới thiệu đầu tiên, các chương tiếp theo giới thiệu về các phần hành kế toán. Không có chương nào giới thiệu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm (chương này được đưa vào kế toán chi phí hoặc kế toán quản trị). Không giới thiệu tách biệt kế toán nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa mà giới thiệu chung thành một chương kế toán hàng tồn kho.	Các nội dung về kế toán phần hành được giới thiệu trước, báo cáo tài chính được giới thiệu sau. Có chương kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm với nội dung dài và tương đối khó. Gắn với chương này, các cuốn sách đều giới thiệu kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ; kế toán lương; kế toán thành phẩm, hàng hóa,... Chương trình mới chỉ là sự liệt kê chế độ kế toán. Kế toán tài chính của chúng ta vẫn chỉ tập trung vào doanh nghiệp nhà nước mà thiếu vắng tính khái quát để có thể áp dụng cho loại hình doanh nghiệp khác
Phương thức giới thiệu nội dung trong từng chương	Giới thiệu lý thuyết, viết theo kiểu giới thiệu quy định của chuẩn mực, thảo luận sự khác biệt GAAP, IFRS. Các nội dung được giới thiệu gắn kết với các chỉ tiêu trình bày trên các báo cáo tài chính. Các bài tập tình huống, những giới thiệu về kế toán thực tế tại một doanh nghiệp cụ thể gắn với từng phần viết. Bài tập đa dạng, tổng hợp kiến thức còn có những đề thi CPA, ACCA,...	Chỉ viết lý thuyết, không có bài tập tình huống, không có ví dụ thực tiễn doanh nghiệp thực tế. Đề thi, bài tập chỉ là những câu mà giáo viên tự nghĩ ra, thiếu gắn kết với thế giới thực. Nội dung truyền tải trên lớp mới chỉ là chế độ, chữa bài tập cuối chương có liên quan.

Nguồn: Tổng hợp chương trình đào tạo của Đại học Macquarie, Đại học Monash, Đại học Sydney và Đại học Bang California LB, Mỹ)

Như vậy, có thể kết luận liên quan đến giả thuyết thứ nhất rằng: (1) *Mục tiêu đào tạo kế toán của chúng ta chưa rõ ràng, nội dung các môn học chưa được phân định tách biệt, còn trùng lặp nhau; và (2) Chương trình đào tạo kế toán của chúng ta thiếu tính hội nhập quốc tế.*

Giả thuyết 2: Phương pháp giảng dạy của chúng ta chưa phù hợp và chưa hiệu quả?

Qua quá trình giảng dạy, tác giả nhận thấy rằng chúng ta đang thực hiện theo phương thức truyền thống. Cụ thể, khi giảng lý thuyết môn học kế toán,

các giảng viên mới chỉ nêu được chế độ kế toán quy định những nội dung gì, cách thức ghi chép các chỉ tiêu được quy định ra sao. Sinh viên khi lên lớp lắng nghe và ghi chép một cách thụ động, và làm bài tập được giao tại nhà. Những năm gần đây việc giảng dạy kế toán có thay đổi từ phương thức “thầy đọc trò chép và làm bài tập” được thay bằng “thầy giảng, trò nghe và làm bài tập”. Trên lớp, có rất ít giảng viên đưa ra những bài tập tình huống thực tế để có sự trao đổi, thảo luận trên lớp nhằm tăng cường các khả năng phân tích, đánh giá cá nhân và nghề nghiệp.

Tại các nước phát triển, nội dung giảng dạy của các giảng viên giảng kế toán có nhiều khác biệt với giảng viên Việt Nam. Việc đào tạo lấy người học làm trung tâm luôn được thực hiện trong từng công đoạn giảng dạy. Quá trình giảng dạy, giảng viên luôn thiết kế bài giảng theo thực tế, sử dụng các tình huống doanh nghiệp có thực trên thực tế, kể cả kế toán tài chính, kế toán quản trị,... Giảng viên luôn có cách thức kích lệ người học trong từng buổi học. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên giao bài tập nhóm, sinh viên thu thập, phân tích dữ liệu, và sau đó thuyết trình trên lớp. Lấy người học làm trung tâm, giảng viên còn đánh giá liên tục, theo cả quá trình học tập các môn học kế toán (Marriott P., and Lau A., 2008).

Hiện nay, phương pháp giảng dạy theo tình huống thực tế, PBL (problem-based learning) vào đào tạo kế toán đang được ngày càng nhiều trường đại học áp dụng. Phương pháp này hướng đến việc học tập qua làm việc (learning by doing). Nhờ phương pháp này, sinh viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn và phát triển được kỹ năng mềm như suy luận từ những dữ kiện rời rạc, thiếu tính hệ thống, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giải quyết những vấn đề mới và khó (Stanley và Stephen, 2012).

Nhiều trường đại học ở các nước phát triển đã xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống báo cáo tài chính, các vụ vi phạm đạo đức nghề nghiệp kế toán,... Các dữ liệu này được sử dụng nhiều trong quá trình giảng dạy kế toán (Stanley và Stephen, 2012). Việc lồng ghép những nội dung này đã làm tăng khả năng phân tích những sự kiện, những tình huống có thực, so sánh và giao tiếp vào trong kế toán. Và hơn nữa, phương thức này góp phần giảm “độc thoại” của giảng viên khi lên lớp.

Bên cạnh việc sử dụng cơ sở dữ liệu chung, việc sử dụng công nghệ thông tin phát triển vào giảng dạy kế toán cũng là một điểm mạnh nữa đã được áp dụng ở các nước khác. Ví dụ, việc sử dụng phần mềm kế toán ảo, sử dụng internet để tìm kiếm dữ liệu, trao đổi dữ liệu. Ở một số trường đại học lớn, việc sử dụng hệ thống trả lời của sinh viên (SRS - student response system) đang được đưa vào sử dụng. Hệ thống này cho phép sử dụng các thiết bị di động, bao gồm các thiết bị phần cứng và phần mềm cho phép đăng câu hỏi, câu trả lời, tổng hợp kết quả, trình bày kết quả và lưu trữ kết quả. Hệ thống SRS có một số ưu điểm nổi trội, đòi hỏi sinh viên phải (1)

chuẩn bị bài ở nhà; (2) dự lớp và tham gia đóng góp tích cực trên lớp; (3) vui thích khi đến lớp; và đòi hỏi giảng viên phải (4) hoàn thiện các hoạt động giảng dạy (5) Thông tin phản hồi kịp thời và thường xuyên (NUIT, 2012).

Như vậy, liên quan đến giả thuyết thứ hai, có thể kết luận rằng:

- *Phương pháp giảng dạy kế toán của chúng ta vẫn theo hướng truyền thống, chưa có tính cập nhật, chưa nâng cao được tính sáng tạo, tính chủ động của người học.*

- *Giảng viên chưa thực hiện hoàn thiện chính mình sau một quá trình giảng.*

Giả thuyết 3: Phương thức đánh giá sinh viên của chúng ta chưa có tính hiệu quả và hiệu lực?

Theo cơ quan đảm bảo chất lượng của Vương quốc Anh, việc đánh giá sinh viên phải theo hai tiêu thức (1) định lượng; (2) định tính (QAA, 2012). Với tiêu thức định lượng, kết quả học tập của sinh viên được sử dụng. Với tiêu thức định tính, phải bao gồm trong đó những phản hồi của người học, phải kích lệ người học và phát triển của sinh viên. Có nhiều phương thức đánh giá người học. Tuy nhiên, có hai phương thức chủ yếu là đánh giá quá trình (formative assessment) và đánh giá tổng kết (summative assessment) (Curtis, 2011; Stivers và cộng sự, 2000; Marriott và Lau, 2008). Các trường đại học ở các nước phát triển như Đại học Bang Kennesaw, Đại học Sydney, Đại học Macquarie,... đã áp dụng hai phương thức đánh giá này thông qua việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu đo lường định lượng và định tính, bao gồm:

- Kỹ năng giao tiếp;
- Khả năng sáng tạo;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm;
- Kiến thức chung;
- Kiến thức về tổ chức và kinh doanh;
- Kiến thức về kế toán chuyên nhanh.

Từ trước tới nay, các trường đào tạo kế toán ở Việt Nam mới chỉ đánh giá người học theo điểm số dựa vào kết quả thi cuối kỳ. Một vài năm gần đây, chúng ta thực hiện đánh giá theo một số tiêu chí như điểm dự lớp, điểm kiểm tra giữa kỳ, và điểm thi cuối kỳ. Việc sửa đổi này đã được thực hiện ở đa số các cơ sở đào tạo trên toàn quốc. Tuy nhiên, việc đánh giá, mặc dầu theo ba thang điểm, vẫn mang tính hình thức. Và nếu so sánh với các tiêu thức đặt ra ở

các trường đại học phát triển và theo tiêu thức mà cơ quan đảm bảo chất lượng của Anh thì việc đánh giá của chúng ta còn chưa thực sự đầy đủ và chưa hướng đến tính bắt buộc người học làm việc, cũng chưa khích lệ được người học tự nghiên cứu và phát triển.

Như vậy, có thể kết luận liên quan đến câu hỏi thứ ba rằng:

- *Cách thức đánh giá sinh viên của chúng ta mới ở mức khởi đầu. Việc đánh giá định kỳ theo điểm số chưa thực sự đầy đủ;*

- *Việc đánh giá của chúng ta mới chỉ tập trung vào định lượng thiếu định tính, chưa khích lệ được người học, chưa hướng đến sự phát triển cá nhân của người học.*

5. Kiến nghị và giải pháp hoàn thiện chương trình đào tạo kế toán ở Việt Nam

Với ba câu hỏi và đã được đánh giá, chúng ta có thể thấy rằng việc đổi mới chương trình đào tạo kế toán là cần thiết. Việc đổi mới cần hướng đến (1) Đổi mới về nội dung chương trình kế toán; (2) Đổi mới về phương pháp giảng dạy; (3) Đổi mới về phương pháp đánh giá sinh viên.

Trước hết, về nội dung chương trình đào tạo. Chúng ta nên lựa chọn một chương trình đào tạo của một trường đại học nổi tiếng đưa vào áp dụng tại Việt Nam. Thực hiện điều này không phải chúng ta kém người khác mà chính là chúng ta đã kế thừa những nghiên cứu, những thành công của các

trường đại học phát triển. Bảng 2 liệt kê các môn học kế toán chính trong chương trình đào tạo của hai trường đại học ở Úc và ở Mỹ.

Thứ hai, đổi mới nội dung chương trình môn học kế toán phải đề cập rõ ràng đến mục tiêu môn học. Và quan trọng hơn, quá trình đào tạo phải thực hiện lần lượt các mục tiêu đặt ra, tránh tình trạng như nhiều trường đại học của Việt Nam hiện nay mục tiêu đặt ra không thực hiện được, đặt mục tiêu chỉ là hình thức. Đổi mới chương trình cũng cần phân định lại phạm vi các môn học kế toán. Ví dụ, với môn học Cơ sở - Nguyên lý kế toán, chúng ta cần mạnh dạn cắt bỏ những nội dung quá “học thuật” nhưng không cần thiết và thiếu tính hội nhập quốc tế.

Về môn học kế toán tài chính là môn học kế toán cung cấp khung lý thuyết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Do vậy, môn học này cần hướng đến các nội dung của các báo cáo tài chính như tiền, công nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải trả, vốn chủ sở hữu. Việc thiết kế môn học kế toán tài chính phải gắn liền với các môn học khác, tránh sự trùng lặp với các môn học khác. Cụ thể, không nên đưa vào môn học này phần viết về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Nội dung này nên được đưa vào môn học kế toán quản trị. Khi đã chuyển chương này, chúng ta sẽ giới thiệu chung một nội dung kế toán hàng tồn kho, thay vì giới thiệu các phần riêng biệt về kế toán nguyên vật liệu, kế toán doanh nghiệp nông nghiệp, kế toán doanh nghiệp thương mại, kế toán doanh

Bảng 2: Khung chương trình đào tạo kế toán đại học Bang California Long Beach (Mỹ) và Đại học Macquarie (Úc)

Đại học Bang California, Long Beach, Mỹ	Đại học Macquarie, Úc
1. Elementary Financial Accounting	1. Accounting IA
2. Managerial Accounting	2. Accounting IB
3. Intermediate Accounting	3. Fundamentals of Management Accounting
4. Cost Accounting	4. Intermediate Financial Accounting
5. Advanced Accounting	5. Managerial Accounting
6. International Accounting	6. Accounting Systems Design and Development
7. Auditing	7. Applied Financial Analysis and Management
8. Accounting Systems and Data Processing	8. Accounting in Context
9. Accounting Internships	9. Corporate Accounting and Reporting
10. Selected Topics in Accountancy	10. Accountants in the Profession
11. Financial Statement Analysis	11. Auditing and Assurance Services

Nguồn: Tổng hợp chương trình đào tạo của Đại học Macquarie và Đại học Bang California LB, Mỹ

nghiệp xuất nhập khẩu, kế toán doanh nghiệp xây lắp, và kế toán doanh nghiệp du lịch dịch vụ. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương được coi như là một phần của kế toán công nợ phải trả.

Khi cắt chuyển những nội dung này, chương trình môn học kế toán tài chính hiện nay sẽ không còn quá dài và đơn điệu. Khi đó, nội dung chương trình cần bổ sung các nội dung kiến thức cập nhật, kiến thức thực tế vào chương trình. Sau khi tham khảo một số giáo trình kế toán tài chính nổi tiếng thế giới, như cuốn sách *Intermediate Accounting* (Kieso và cộng sự, 2011), các nội dung sau nên được nghiên cứu để đưa vào chương trình đào tạo kế toán tài chính:

- Các bài tập tình huống;
- Các bài đọc ngắn: đọc và thảo luận trên lớp;
- Các nội dung được giới thiệu theo quy định của chuẩn mực, có so sánh với các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận, với các chuẩn mực kế toán quốc tế (GAAP, IFRS);
- Các nội dung giới thiệu phải có gắn kết với các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

Khi thực hiện thay đổi theo hướng này, các môn học khác cũng cần phải có sự thay đổi, kế toán quản trị hoặc kế toán chi phí phải bao quát những nội dung mà kế toán tài chính chuyển sang. Kế toán công ty phải bao gồm nội dung lập báo cáo tài chính hợp nhất (một số trường đã có nội dung này nhưng việc giảng dạy chưa thực sự hiệu quả, sinh viên ra trường không thể lập được báo cáo tài chính hợp nhất). Nội dung môn học kế toán quốc tế cũng cần phải thay đổi lại theo hướng so sánh hệ thống kế toán của Việt Nam và các nước khác hoặc IFRS liên quan đến việc xử lý kế toán. Một môn học mới cần thiết phải đưa vào giảng dạy ở Việt Nam là Hệ thống thông tin kế toán (hầu hết các trường đang sử dụng môn học Tổ chức kế toán) để cung cấp kiến thức cho sinh viên liên quan đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện mới.

Để thực hiện đổi mới nội dung đào tạo như trên, bên cạnh vai trò của các trường đại học đào tạo kế toán, các cơ quan quản lý của nhà nước cũng phải trao quyền nhiều hơn cho các cơ sở đào tạo. Chúng ta có thể đã biết, chương trình đào tạo ở Việt Nam trước đây bị qui định bởi chương trình khung, với các môn qui định là nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, kế toán quản trị, và kiểm toán căn bản, trong các nội dung này đều có qui định về nội dung giảng

dạy. Việc không giao quyền tự chủ và quản lý như vậy cũng ảnh hưởng đến việc đổi mới trong các trường đại học.

Về phương pháp giảng dạy, giảng viên trong các trường đại học cần hướng tới hoàn thiện các điểm chính sau cho sinh viên (Carnaghan và cộng sự, 2011):

- Tăng kỹ năng tổ chức thu thập, đánh giá thông tin;
- Tăng kỹ năng làm việc theo nhóm;
- Tăng kỹ năng phân tích từ những dữ liệu có sẵn, chưa được sàng lọc;
- Hoàn thiện và tăng kỹ năng sử dụng thông tin kế toán;
- Hoàn thiện và tăng kỹ năng kết nối và giao tiếp.

Để thực hiện được những mục tiêu trên, giảng viên cần trau dồi các kiến thức thực tế về kế toán Việt Nam, kế toán quốc tế. Giảng viên cũng cần sử dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy các môn học kế toán (Murphy và Hoepfner, 2002). Về phương thức đào tạo, các trường đại học cũng cần thay đổi căn bản, hạn chế cách đào tạo truyền thống, nặng về lý thuyết, xa rời thực tế, dẫn đến sinh viên ra trường chậm làm quen với công việc. Tác giả cho rằng các trường đại học cần chấm dứt cách giảng dạy thụ động, không buộc người học coi các chế độ kế toán do Nhà nước quy định là kiến thức kế toán chuẩn. Chế độ kế toán hay các quy định kế toán, kiểm toán của Nhà nước trong từng thời kỳ, trong từng cơ chế quản lý chỉ là sự hiện thân, sự minh chứng cho những nguyên lý mang tính bản chất của kế toán. Cần phải đưa chuẩn mực kế toán Việt Nam- những nội dung thuộc bản chất của kế toán và kiểm toán vào chương trình giảng dạy kế toán ở các trường đại học (Đặng Văn Thanh, 2011).

Về phương pháp đánh giá người học, như đã tham khảo cách thức đánh giá các trường đại học khác, việc đánh giá sinh viên phải theo hai tiêu thức (1) định lượng; (2) định tính. Các trường đại học ở Việt Nam nên áp dụng những thành tựu tiên tiến này. Với tiêu thức định lượng, chúng ta sử dụng kết quả học tập của sinh viên. Với tiêu thức định tính, các trường đại học nên áp dụng hai phương thức đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết (Curtis, 2011; Stivers và cộng sự, 2000; Marriott và Lau, 2008). Chúng ta nên học tập các trường đại học ở các nước phát triển như Đại học Bang Kennesaw; Đại học Sydney; Đại học Macquarie;... đã áp dụng

hai phương thức đánh giá này bằng việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu đo lường định lượng và định tính, đã nêu ở phần trên.

6. Kết luận

Đánh giá về chương trình đào tạo, nội dung đào tạo và phương pháp đánh giá sinh viên đối với các môn học kế toán đang áp dụng tại trường đại học ở Việt Nam cho thấy còn nhiều điều bất cập. Cụ thể, mục tiêu đào tạo kế toán của chúng ta chưa rõ ràng, và chương trình đào tạo kế toán của chúng ta có sự khác biệt lớn, không có tính hội nhập và cập nhật so với chương trình đào tạo của các trường đại học khác ở các nước phát triển và các nước trong khu vực. Về phương pháp giảng dạy kế toán của chúng ta vẫn theo hướng truyền thống, chưa có tính cập nhật, chưa nâng cao được tính sáng tạo, tính chủ động của người học. Giảng viên chưa thực hiện hoàn thiện chính mình sau một quá trình giảng. Về cách thức đánh giá sinh viên của chúng ta mới ở mức khởi đầu. Việc đánh giá định kỳ theo điểm số chưa thực sự đầy đủ. Việc đánh giá của chúng ta chưa khích lệ được người học, chưa hướng đến sự phát triển cá nhân của các người học.

Các trường đại học và các tổ chức đào tạo kế toán

cần thiết phải đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, và phương thức đánh giá sinh viên đối với các môn học kế toán. Việc đổi mới này không chỉ trước hết để nâng cao những “sản phẩm đầu ra” của các trường đại học, đáp ứng nhu cầu xã hội. Sự thành công của các sinh viên, quay trở lại, đóng góp vào sự phát triển của các trường đại học, cao đẳng và các tổ chức đào tạo kế toán khác. Bên cạnh vai trò của các trường đại học, các cơ quan quản lý của Nhà nước phải tạo ra cơ chế mở rộng hơn, hướng đến tính linh hoạt, tính hội nhập,... cho các cơ sở đào tạo trên quan điểm tuân thủ luật pháp Việt Nam.

Bài nghiên cứu này mặc dầu đã có một số phát hiện chưa hoàn thiện về chất lượng đào tạo kế toán ở Việt Nam, nhưng vẫn có một số thiếu sót về phương pháp nghiên cứu như chưa bao gồm những nghiên cứu thực nghiệm với mẫu lớn. Hoặc kiến nghị đề xuất đang dựa trên so sánh chuẩn của nước ngoài và Việt Nam về nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy mà chưa nghiên cứu các yếu tố khác mang tính đặc trưng riêng của Việt Nam như hệ thống luật, cơ chế đào tạo... Tuy nhiên, chúng tôi coi đây là những gợi mở cho những nghiên cứu có liên quan trong tương lai. □

Tài liệu tham khảo

- AICPA [American Institute of CPAs] (2012), ‘AICPA Mission and History’, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://www.aicpa.org/about/missionandhistory/pages/missionhistory.aspx>>
- Carnaghan, C., Edmonds, T., Lechner, T.A. và Olds, P.R. (2011), ‘Using student response systems in the accounting classroom: Strengths, strategies and limitations’, *Journal of Accounting Education*, số 29, tập 4, trang 265-283.
- Curtis, S.M. (2011), ‘Formative assessment in accounting education and some initial evidence on its use for instructional sequencing’, *Journal of Accounting Education*, số 29, tập 4, trang 191-211.
- Đặng Văn Thanh (2010), *Giải pháp đưa kế toán và kiểm toán Việt Nam ngang tầm khu vực và quốc tế*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://dtu.topica.edu.vn/index.php/vi/chuong-trinh-dao-cao/cu-nhan-ke-toan/tin-tuc-chuyen-nganh/507-giai-phap-dua-ke-toan-va-kiem-toan-viet-nam-ngang-tam-khu-vuc-va-quoc-te>>
- Đặng Văn Thanh (2011), *Đổi mới chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo kế toán và kiểm toán*, Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://hubt.edu.vn/vi/index.php/tin-tuc/trang-tin-tong-hop/giao-duc/848>>
- Đại học Bang California - Long beach, (2015), *Chương trình đào tạo kế toán*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <http://www.csulb.edu/divisions/aa/catalog/current/cba/accountancy/acct_ud.html>
- Đại học Macquarie (2014), *Chương trình đào tạo kế toán*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://courses.mq.edu.au/undergraduate/degree/bachelor-of-commerce—professional-accounting>>
- Đại học Sydney (2015), *Chương trình đào tạo kế toán*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://sydney.edu.au/business/accounting>>
- Đại học Monash (2014), *Chương trình đào tạo kế toán*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://monash.edu.au/study/coursefinder/course/0315/?courseview=domestic>>

- Hiếu Nguyễn (2012), *Cấp bách nâng cao chất lượng đào tạo kế toán-kiểm toán*, Báo Giáo dục và Thời đại, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://giaoducthoidai.vn/tieu-diem/cap-bach-nang-cao-chat-luong-dao-tao-ke-toankiem-toan-25240.html>>
- Hồng Hạnh (2012), *Nhiều bất cập trong đào tạo ngành kế toán - kiểm toán*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/nhieu-bat-cap-trong-dao-tao-nganh-ke-toan-kiem-toan-534589.htm>>
- Kieso, D.E., Weygandt, J.J và Warfield, T.D (2011), *Intermediate Accounting*, 14Ed., John Wiley & Son, Inc, United States of America.
- Lê Đức Luận, (Năm 2013), Những yếu tố tác động đến chất lượng giáo dục đại học, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://www.qnamuni.edu.vn/detailHT.asp?ID=27&IDCD=10&type=hthao>>
- Murphy, E.A. và Hoepfner, C.J. (2002), ‘Using technology and library resources in financial accounting courses’, *Journal of Accounting Education*, Tập 20, Số 4, Trang 331–346.
- Marriott, P. và Lau, A. (2008), ‘The use of on-line summative assessment in an undergraduate financial accounting course’, *Journal of Accounting Education*, số 26, tập 2, trang 73–90.
- NUIT (2012), *Student Response System (SRS)*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://www.it.northwestern.edu/srs/>>
- Phạm Đức Cường và Đoàn T. Trúc Quỳnh (2013), ‘Đổi mới chương trình đào tạo môn học kế toán tài chính (KTTC) trong các trường đại học ở Việt Nam’, *Tạp chí kinh tế và phát triển*. Số 194, tập 2, trang 92-97.
- QAA (2012), *Understanding assessment: its role in safeguarding academic standards and quality in higher education*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://www.qaa.ac.uk/en/Publications/Documents/understanding-assessment.pdf>>
- Stivers, P., Campbell, J.E. và Hermanson, H.M. (2000), ‘An Assessment Program for Accounting: Design, Implementation, and Reflection’, *Issues in Accounting Education*. Số 15, tập 4, trang 554-581.
- Stanley, T.A. và Stephen M.J. (2012), ‘Problem-based learning: does accounting education need it? *Journal of Accounting Education*’, số 30 tập (3/4), trang 267-289.
- Thu Anh, (2012), ‘Đào tạo kế toán tại Việt Nam chưa đúng phương pháp’, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 1 năm 2015, từ <<http://laodong.com.vn/viec-lam/dao-tao-ke-toan-tai-viet-nam-chua-dung-phuong-phap-15149.blđ>>

Thông tin tác giả:

* **Phạm Đức Cường, Tiến sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: *Viện Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân*

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả từng đăng: *Tạp chí Kinh tế và phát triển, Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán, Tạp chí Kế toán - Kiểm toán, Tạp chí Nghiên cứu đào tạo ngân hàng, Australian Accounting Review (Úc)*

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: phamduccuong2003@yahoo.com